

Bản án số: 86/2018/HSST
Ngày: 28/12/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Bảo.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và bà Trần Thị Cúc.
- Thư ký ghi B bản phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Cán bộ Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/HSST ngày 30/11/2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87 /2018/ QĐXXST - HS ngày 13/12/2018 đối với các bị cáo:

1. Tô Thành B - Sinh năm: 1997. (Có mặt).

Nơi ĐKKH và cư trú: Thôn BH, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông Tô Anh V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1973 ;Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có vợ .Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 25/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/3/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

2. Lê Văn H - Sinh năm: 1993. (Có mặt).

Nơi ĐKKH và cư trú: Khu 7, thị trấn D, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Lê Văn M, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1972 ; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: G Thị H1, sinh năm 1996. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền sự: 01 (Ngày 23/5/2018 bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 125 về hành vi xâm hại sức khỏe người khác); Tiền án: Không. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

***Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964. (có mặt).

Trú quán: Thôn LP, xã TL, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. (có mặt).

Trú quán: Thôn V, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1996. (vắng mặt).

Trú quán: Thôn B, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1973. (có mặt).

Trú quán: Xóm x, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

***Người làm chứng:**

- Anh Hà Văn H2 - Sinh năm 1980. (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992. (vắng mặt).

Đều trú quán: Thôn LP, xã TL, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/6/2018, Lê Văn H gọi điện cho Tô Thành B đến đón H tại nhà bạn gái H là Nguyễn Thị G để sang huyện TH, tỉnh Thái Bình chơi. B đồng ý nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva BKS: 17F6 – 30xx đến đón H tại ngõ nhà chị G. Gặp nhau, H bảo B ngồi phía sau còn H điều khiển xe đi về hướng cầu TL để sang huyện TH. Khi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn LP, xã TL, huyện TH, phát hiện thấy bà Nguyễn Thị X đang điều khiển xe máy điện, kéo theo 01 chiếc xe lôi đi cùng chiều phía trước, phía sau lưng bên trái có đeo 01 chiếc túi làm bằng sợi len kích thước 30x20x10cm, dây đeo từ vai phải sang trái, nên H và B nảy sinh ý định giật chiếc túi của bà X để chiếm đoạt tài sản. H điều khiển xe vượt lên cách xe bà X khoảng 10 mét thì bà X rẽ phải vào đường đông bê tông thôn LP, xã TL, B bảo H quay xe lại đi theo bà X để B giật túi, H đồng ý quay xe lại, rẽ vào đường bê tông đi theo sau bà X, khi

đến đoạn đường vắng người qua lại (trước cửa cơ sở xay xát của gia đình anh Mai Văn T thuộc thôn LP, xã TL) thấy bà X đã đi chậm lại, H điều khiển xe máy vượt lên phía bên trái áp sát xe của bà X, B ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi mà bà X đang đeo trên người làm bà X và xe máy điện ngã đổ ra đường. Bà X tri hô thì B đập vào vai H nói “chạy đi”, H tăng ga điều khiển xe chạy về hướng cầu TL sang huyện TT. Khi đến đoạn đường liên thôn thuộc địa phận giáp danh giữa thôn CĐ với thôn C thuộc xã TL, huyện TT, H điều khiển xe đi chậm lại còn B ngồi sau xe mở chiếc túi vừa cướp giật được của bà X ra kiểm tra thì thấy bên trong có 300.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 1000 đồng, ..., 50.000 đồng...) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu đen, màn hình cảm ứng. B đưa cho H 01 chiếc điện thoại Xiaomi, số tiền còn lại B lấy hết cho vào túi quần bên trái đang mặc còn chiếc túi thì vứt xuống mương nước cạnh đường sau đó đi về nhà, khi đến trước ngõ nhà bà ngoại B là bà Tô Thị M ở khu x, thị trấn D, huyện TT, B đưa cho H 100.000 đồng, H cầm tiền và đi bộ về nhà. Ngày 23/6/2018 B đến nhà H đưa cho H số tiền 700.000 đồng và nói với H để lại cho B chiếc điện thoại cướp giật được của bà X để B sử dụng. Đến ngày 26/6/2018 B mang bán chiếc điện thoại này cho anh Nguyễn Văn L ở thôn V, xã TX lấy 1.800.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Bản cáo trạng số: 80/CT - VKS ngày 26/11/2018 VKSND huyện Tiền Hải đã truy tố Tô Thành B và Lê Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, khoản 2, điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Tô Thành B và Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Đại diện VKSND huyện Tiền Hải giữ nguyên quyết định truy tố Tô Thành B và Lê Văn H theo nội dung bản cáo trạng số: 80/CT - VKS ngày 26/11/2018; Luận tội đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 50 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tô Thành B. Đề nghị xử phạt bị cáo Tô Thành B từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 38; điều 58, điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn H . Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với B và H, Vì các bị cáo không có công việc ổn định và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 BLTTHS năm 2015 và Điều 47 của bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Trả lại 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy mua bán xe mô tô và 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe VIVA đã qua sử dụng màu xanh đen. Xe không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm và 02 yếm xe mô tô màu xanh cho bà Nguyễn Thị Minh C.
- Trả lại cho bị cáo Lê Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37.
- Trả lại cho B 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG; 01 điện thoại di động hiệu VIETTEL, viền trắng và 01 sim Viettel có số: 8984048000017385156; 01 áo phông màu đen, cổ tròn, ngắn tay, giữa ngực có chữ ADIDAS và 01 đôi giày vải màu tím than, đế màu trắng, trên giày có chữ ADIDAS.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là bà Nguyễn Thị X đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen, màn hình cảm ứng; 01 vỏ ốp điện thoại màu da cam nhãn hiệu REDMI 5. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bà X tổng số tiền 3.300.000 đồng, tại phiên tòa bà X không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo Tô Thành B phải bồi thường số tiền 1.800.000 đồng mà anh Long đã mua điện thoại của B.

Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326: Các bị cáo Tô Thành B, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các

hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Các bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng: Sơ đồ hiện trường và B bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tiền Hải lập trong các ngày 21 và 22/6/2018; Bản kết luận định giá tài sản ngày 31/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tiền Hải và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 21/6/2018, phát hiện bà Nguyễn Thị X đang điều khiển xe máy điện tại đoạn đường liên thôn khu vực trước cửa cơ sở xay xát gạo của gia đình ông Mai Văn T thuộc thôn LP, xã TL, huyện Tiền Hải, Lê Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki BKS: 17F6 – 30xx đi áp sát vào phía bên trái xe máy điện của bà X để Tô Thành B ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc túi sợi len có dây đeo trị giá 50.000 đồng để chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đen trị giá 2.300.000 đồng trong túi của bà X mang đi bán tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản H và B chiếm đoạt của bà X là 2.650.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “ Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy

cần phải áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị, lên kế hoạch phạm tội từ trước mà trong lúc cần tiền tiêu xài cá nhân và phát hiện thấy bà X điều khiển xe máy điện có đeo túi xách bên hông nên mới nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Bị cáo B là người chủ động bảo bị cáo H đi chậm lại để B ngồi sau cướp giật tài sản nhưng bị cáo H đã không những không dẫn đo, can ngăn mà tiếp nhận ngay ý chí, quay xe lại để B thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Do vậy đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo B cao hơn so với bị cáo H, mặc dù các bị cáo B và H đều có nhân thân xấu, H có 01 tiền sự về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, nhưng bị cáo B có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo B bị áp dụng cao hơn bị cáo H.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo Tô Thanh B và Lê Văn H đều có nhân thân xấu: - Ngày 25/3/2016 Tô Thành B bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 02/3/2011 Lê Văn H bị TAND huyện Thái Thụy xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 12/HSST, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Ngày 25/01/2013 bị áp dụng biện pháp “Đưa vào cơ sở giáo dục” thời hạn 24 tháng theo Quyết định số: 230 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình. Ngày 23/5/2018, bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 125 về hành vi xâm hại sức khỏe người khác.

[4.2] Về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, và tại phiên tòa hôm nay, Tô Thành B và Lê Văn H đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Gia đình các bị cáo đã tích cực bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho người bị hại là bà X. Vì vậy, các bị cáo Tô Thành B và Lê Văn H đều được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, người bị hại bà Nguyễn Thị X có đơn và lời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì

vậy, Tô Thành B và Lê Văn H đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Tô Thành B bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Tái phạm

Bị cáo Lê Văn H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5.1] Hình phạt chính: Các bị cáo Tô Thanh B và Lê Văn H đều có nhân thân xấu. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh bằng hình phạt tù, phải tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5.2] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy mua bán xe mô tô và 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe VIVA đã qua sử dụng màu xanh đen. Xe không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm và 02 yếm xe mô tô màu xanh. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Minh C nên cần trả lại cho chị C là phù hợp

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số IMEI 356713/05/802645/9 là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Văn H, bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 số IMEI 1869770022677635; số IMEI 2: 869770022677627. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này Lê Văn H mua cho chị Nguyễn Thị G, chị G không biết chiếc điện thoại là do bị cáo phạm tội mà có nên cần trả lại cho chị Nguyễn Thị G.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG số IMEI 351549060396158/01, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đen, viền trắng số IMEI 1: 862441014083854; số IMEI 2: 862441014598851 và 01 sim Viettel có dãy số: 8984048000017385156; 01 áo phông màu đen, cổ tròn, ngắn tay, giữa ngực có chữ ADIDAS và 01 đôi giày vải màu tím than, đế màu trắng, trên giày có chữ ADIDAS là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Tô Thành B, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, người bị hại là bà Nguyễn Thị X đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu đen, màn hình cảm ứng; 01 vỏ ốp điện thoại màu da cam nhãn hiệu REDMI 5. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bà X tổng số tiền 3.300.000 đồng, tại phiên tòa bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo Tô Thành B phải bồi thường số tiền mà anh đã mua điện thoại của B nên không phải giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

- Trong vụ án này, có anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 ở thôn V, xã TX, huyện TT là người đã mua chiếc điện thoại do H và B cướp giật được, chị Nguyễn Thị G là người được H mua cho chiếc điện thoại OPPO A37 từ số tiền H bán chiếc điện thoại cướp giật của bà X. Tuy nhiên cả anh L và chị G đều không biết chiếc điện thoại nhãn hiệu XIAOMI mua của B và chiếc điện thoại OPPO A37 H mua cho chị G là tài sản có được do B và H phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh L và chị G là phù hợp.

- Quá trình cướp giật chiếc túi của bà Nguyễn Thị X, B và H còn làm bà X và chiếc xe máy điện ngã, đổ ra đường, tuy nhiên chiếc xe máy điện chỉ bị hư hỏng nhẹ, bản thân bà X đã từ chối việc giám định thương tích, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra vấn đề bồi thường trách nhiệm dân sự cũng như không xác định thương tích của bà X.

- Ngoài hành vi cướp giật tài sản ngày 21/6/2018, Tô Thành B và Lê Văn H còn khai nhận: Vào ngày 01/7/2018 B và H còn thực hiện hành vi cướp giật tài sản của 01 người phụ nữ đi xe mô tô tại đoạn đường thuộc địa phận xã TH, huyện TT. Tuy nhiên do chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người bị hại, hơn nữa địa điểm tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện TT nên sau khi tiếp nhận các tài liệu xác minh từ Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tiền Hải, Cơ

quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đang tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tô Thành B và Lê Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 50 của bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tô Thành B.

Xử phạt bị cáo Tô Thành B 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 05 tháng 7 năm 2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 38; điều 58; điều 50 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn H.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 05 tháng 7 năm 2018.

3.Về vật chứng: Áp dụng điều 106 của BLTTHS năm 2015 và Điều 47 của bộ luật hình sự năm 2015:

- Trả lại cho cho chị Nguyễn Thị Minh C 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy mua bán xe mô tô và 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe VIVA đã qua sử dụng màu xanh đen. Xe không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm và 02 yếm xe mô tô màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số: IMEI 356713/05/802645/9.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 số IMEI 1 869770022677635; số IMEI 2: 869770022677627.

- Trả lại cho bị cáo Tô Thành B 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG số IMEI 351549060396158/01, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL bàn phím cơ màu đen, viền trắng số IMEI 1: 862441014083854; số

IMEI 2: 862441014598851 và 01 sim Viettel có dãy số: 8984048000017385156; 01 áo phông màu đen, cổ tròn, ngắn tay, giữa ngực có chữ ADIDAS và 01 đôi giày vải màu tím than, đế màu trắng, trên giày có chữ ADIDAS.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Tô Thành B, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Công an huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS h Tiền Hải;
- Phòng KT Tòa án tỉnh TB;
- Bị cáo; Bị hại.
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hải Bảo